

Michael Dower

Bộ Cẩm nang Đào tạo và Thông tin về
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TOÀN DIỆN

Người dịch: **Đặng Hữu Vĩnh**

Hiệu chỉnh: **Vũ Trọng Khải**

Nhà xuất bản Nông nghiệp

Michael Dower
Bộ Cẩm nang Đào tạo và Thông tin về
Phát triển Nông thôn Toàn diện

Cẩm nang 1

**THÁCH THỨC CỦA
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
Ở VIỆT NAM**

Người dịch: **Đặng Hữu Vĩnh**

Hiệu chỉnh: **Vũ Trọng Khải**

Nhà xuất bản Nông nghiệp

**Bộ Cẩm nang Đào tạo và Thông tin về
Phát triển Nông thôn Toàn diện**

Bộ Cẩm nang Đào tạo và Thông tin này nhằm giúp đỡ những người trên lãnh thổ Việt Nam chịu trách nhiệm hoạch định chính sách hoặc hoạt động trong nỗ lực to lớn của quốc gia để phát triển nông nghiệp và nông thôn.

Nội dung của bộ cẩm nang dựa trên chính sách phát triển nông nghiệp và nông thôn do Đại hội Đảng cộng sản lần thứ 9 năm 2001 đề ra. Bộ Cẩm nang trình bày những ứng dụng thực tế của những chính sách này, với các ví dụ được rút ra từ đời sống thực tiễn của Việt Nam hoặc của các nước khác.

Hình thức của Bộ Cẩm nang này dựa trên tài liệu giảng dạy của Giáo sư Michael Dower thuộc Trường đại học Gloucester, Vương quốc Anh soạn thảo cho các khóa đào tạo do Giáo sư tổ chức từ tháng 10 năm 1999 đến tháng 11 năm 2001 theo đề nghị của Vụ chính sách nông nghiệp và PTNT (nay là cục HTX và PTNT) thuộc bộ Nông nghiệp và PTNT. Các khóa học này được tổ chức với sự kết hợp của các Trường Cán bộ Quản lý Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ở Hà Nội và ở Thành phố Hồ Chí Minh, và đã diễn ra tại các Trường này cũng như ở một số địa phương.

Cũng như các khóa đào tạo, Bộ Cẩm nang này giành cho các cán bộ và các đối tượng khác thuộc các cấp quốc gia, tỉnh, và xã sử dụng. Tài liệu này có thể được sử dụng như một nguồn thông tin, hoặc như một công cụ chính thức trong các chương trình đào tạo. Mỗi Cẩm nang đề cập một lĩnh vực quan trọng của phát triển nông thôn, và có thể được sử dụng độc lập hoặc kết hợp với các Cẩm nang khác của bộ sách. Đề xuất về hình thức đào tạo này được nêu trong trang áp chót của mỗi Cẩm nang.

Danh sách trọn bộ Cẩm nang được liệt kê vào trang cuối của mỗi Cẩm nang.

Tình hình khu vực Nông thôn hiện nay

Khu vực nông thôn, có diện tích đất chiếm trên 92% diện tích lãnh thổ Việt Nam, bao gồm đồi núi và đất trống, cũng như đất canh tác và rừng.

Khu vực nông thôn, bao gồm cả những thị trấn nhỏ phục vụ vùng nông thôn, hiện nay có khoảng 75% dân cư đang sinh sống.

Dân cư nông thôn tính theo bình quân thu nhập thì nghèo hơn dân cư thành phố. Năm 1993, bình quân tiêu dùng trên đầu người ở thành thị gấp 1,8 lần so với nông thôn và năm 1998 là 2,2 lần. Điều này có nghĩa khoảng cách thu nhập giữa thành thị và nông thôn ngày càng lớn.

16% dân cư nông thôn chịu nghèo đói, so với 4,6% ở thành phố. Thất nghiệp cao ở nông thôn, với 7 triệu người thiếu việc làm. Mỗi năm, hơn 1.000.000 người được bổ sung thêm vào lực lượng lao động.

Kết quả của tình hình này là, mỗi năm, hàng chục nghìn người dân di cư tự phát ra thành phố và đến những địa phương có nhiều đất rừng để khai hoang, mong tìm cuộc sống tốt đẹp hơn. Việc di cư này làm yếu cơ cấu xã hội ở vùng nông thôn, làm gia tăng nạn phá rừng, và làm tăng thêm áp lực ở thành phố về các mặt kinh tế, xã hội, môi trường.

Tình trạng thu nhập thấp và thất nghiệp cao là do nền kinh tế ở nông thôn tương đối yếu và nghèo nàn. Mặc dù có những tăng trưởng gần đây ở các khu vực khác, kinh tế nông thôn vẫn nặng về nông nghiệp. Hơn nữa, bản thân nông nghiệp mang lại thu nhập tương đối thấp cho những người làm việc trong lĩnh vực này.

Sự yếu kém của khu vực nông thôn còn thể hiện ở cả cơ sở hạ tầng. Mặc dù có sự đầu tư trong hai thập kỷ qua, nông thôn vẫn còn nhiều yếu kém về hệ thống đường xá, cung cấp nước tưới, tiêu, cung cấp điện và thông tin.

1.4

Tình hình Nông nghiệp hiện nay

Nông nghiệp là hoạt động chính của kinh tế nông thôn, chiếm 68% tổng giá trị sản phẩm (GDP) ở nông thôn.

Người ta thấy có nhiều tiến bộ thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, và cải thiện thu nhập của những người làm việc trong lĩnh vực này. Luật Đất đai năm 1993, đã tạo lập cơ sở pháp lý để hộ nông dân là đơn vị sản xuất nông nghiệp tự chủ, và nhờ đó, đã tạo ra động lực nâng cao sản xuất, đảm bảo an toàn lương thực cho hầu hết người dân. Nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất gạo, hiện nay đang đóng góp nhiều cho xuất khẩu.

Tuy nhiên, thu nhập bình quân của nông dân vẫn còn rất thấp. Hầu hết nông dân không có đủ việc làm: ít nhất họ dư thừa một phần thời gian, vì họ có quá ít đất đai. Trung bình mỗi hộ chưa có đủ nửa ha, và đất đai của các trang trại gia đình bị chia thành rất nhiều mảnh nhỏ.

Gần đây, cơ khí hoá nông nghiệp đã có vài tiến bộ, ví dụ như khâu gieo hạt, gặt và chăn nuôi gia súc nhưng còn rất chậm. Tương tự, có nhiều việc phải làm để cải thiện giống cây trồng, vật nuôi và trong việc áp dụng kỹ thuật canh tác hiện đại.

Vì tất cả những lý do này, nông nghiệp ở Việt Nam (nói khái quát) không hiệu quả và không có tính cạnh tranh, khi so sánh với các nước Đông Nam Châu Á khác như Thái Lan và Philipin. Sự tiếp cận của Việt Nam với thương mại thế giới ngày càng tăng làm cho việc khắc phục những thiếu sót này đòi hỏi phải được thực hiện càng nhanh càng tốt như là một việc làm rất cơ bản.

Tình hình hiện nay của các bộ phận khác thuộc kinh tế nông thôn

Thập kỷ qua, kinh tế nông thôn đã có sự tăng trưởng đáng kể ở các bộ phận khác so với các nước khác. Kết quả là, chất lượng của hầu hết gạo xuất khẩu từ Việt Nam thấp hơn, do hư hại trong quá trình chế biến; chi phí sản xuất đường mía cao hơn các nước cạnh tranh khác; lãng phí trong bảo quản, chế biến rau quả.

Hơn nữa, quá nhiều nhà máy chế biến lại đặt ở thành phố. Điều này có nghĩa là chi phí nhiều cho việc vận chuyển nông sản nguyên liệu từ nông thôn và khu vực nông thôn không có thêm việc làm do các nhà máy chế biến sản phẩm không ở gần với nơi có nguồn nguyên liệu.

Khu vực công nghiệp nói chung ở nông thôn còn yếu, nhưng có nhiều tiềm năng để phát triển.

Một tiềm lực đáng kể ở nhiều vùng nông thôn là truyền thống làm hàng thủ công, như sản xuất đồ gốm sứ, hàng dệt, đồng, da, sơn mài, mây tre và nón. Các mặt hàng này có tiềm năng phát triển.

Các ngành dịch vụ tương đối yếu ở nông thôn, do khó khăn trong vận chuyển và nhu cầu của địa phương thấp. Khi thu nhập tăng lên ở nông thôn thì nhu cầu đối với dịch vụ sẽ tăng và ngành dịch vụ sẽ mạnh lên.

Du lịch đã được thiết lập như là một nguồn thu nhập và là công việc đáng kể ở vài vùng nông thôn cụ thể. Du lịch có tiềm năng mang lại lợi ích trên phạm vi rộng hơn, nếu như nó được phát triển một cách bền vững.

1.6

Cơ hội và thách thức

Đại hội Đảng lần thứ 9, khi xem xét Chiến lược Phát triển Nông nghiệp và Nông thôn cho giai đoạn đến năm 2010, đã nhấn mạnh những cơ hội và thách thức sau.

Cơ hội

- Xu hướng quốc tế hóa tiến tới hội nhập, hợp tác và phát triển cho phép Việt Nam có thể phát triển theo kịp các nước khác trong khu vực.
- Hành động trong thập kỷ tới có thể tạo dựng trên cơ sở những thành tựu đã đạt được, và các nguồn lực hiện có sẵn trong nước.
- Viện trợ, giúp đỡ và đầu tư từ bên ngoài có thể giúp Việt Nam phát triển

Thách thức

- Việt Nam ngày càng tiếp cận với thương mại thế giới, trong một môi trường ngày càng cạnh tranh. Việt Nam được trang bị tương đối yếu cho cuộc cạnh tranh này, xét về vốn đầu tư, công nghệ và kỹ năng quản lý.
- Việt Nam có thuận lợi về nhân công rẻ, giàu tài nguyên thiên nhiên, nhưng đã giảm giá trị trong giai đoạn áp dụng khoa học và công nghệ.
- Cần nâng cao năng suất lao động, và chất lượng sản phẩm, trong khi tìm cách nâng cao thu nhập cho người lao động. Điều này sẽ đòi hỏi sức mạnh và trình độ của lực lượng lao động địa phương.
- Hiệu quả trong sản xuất chế biến nông, lâm sản bị hạn chế do quy mô sản xuất nhỏ và manh mún, và do những yếu kém trầm trọng trong dây chuyền chế biến.
- Đầu tư, (của người Việt Nam hay nước ngoài) trong công nghiệp nông thôn bị hạn chế do tình trạng cơ sở hạ tầng yếu kém và sự bất ổn định trong cung cấp các nguồn lực đầu vào.

Chiến lược cho mười năm tới

Đứng trước cơ hội và thách thức, Chính phủ đã đặt nông thôn vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển quốc gia trong thập kỷ tới. Chính phủ thừa nhận rằng một khu vực nông thôn có nền sản xuất phát triển đạt trình độ cao không chỉ là cơ sở để xóa đói giảm nghèo, mà còn là động lực mạnh mẽ cho tăng trưởng kinh tế và phát triển quốc gia.

Chiến lược phát triển đến năm 2010 đã được đại hội Đảng lần thứ 9 thông qua, nhấn mạnh sự cần thiết phải đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Sự nhấn mạnh này, mạnh mẽ hơn nhiều so với chương trình 5 năm trước đó, do nhận thức là Việt Nam ngày càng tham gia sâu vào môi trường kinh tế cạnh tranh cao của thị trường thế giới.

Sự khác biệt sau trong lời lẽ của chiến lược phát triển được nêu ra năm 1996 và năm 2001 nói lên sự nhấn mạnh này:

1996. “Chiến lược Phát triển Nông thôn” do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đề ra vào tháng 5 năm 1996, nêu mục tiêu lâu dài và chung cho phát triển nông thôn: *‘xây dựng nông thôn mới, với một nền kinh tế phát triển, một đời sống xã hội – văn hóa lành mạnh, công bằng và dân chủ, tiến tới chủ nghĩa xã hội, và một môi trường được bảo vệ và cải thiện’*

2001. Chiến lược đến năm 2010 nêu là...

“ Mục tiêu chung và lâu dài của nông nghiệp và công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn là xây dựng một nền nông nghiệp và một nền kinh tế nông thôn có quan hệ sản xuất hiện đại và phù hợp để nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, giải quyết việc làm, xóa đói và giảm nghèo, nhanh chóng tăng thu nhập và đời sống của người dân nông thôn, đưa nông thôn tiến tới văn minh hiện đại và nâng cao vị thế hàng nông sản của chúng ta và nông thôn trên thị trường thế giới”.

1.8

Công nghiệp hóa và hiện đại hóa

Chiến lược Phát triển đến năm 2010 tập trung vào công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Điều này có thể tóm tắt trong 2 mục đích chính:

- Tạo ra khu vực nông nghiệp bền vững, hiệu quả cao, đa dạng và cạnh tranh quốc tế; và
- Thúc đẩy tăng trưởng nhanh chóng ở các bộ phận khác của kinh tế nông thôn, để tạo việc làm và tăng thu nhập của cư dân nông thôn.

Để đạt những mục đích này, cần tổ chức lại nền nông nghiệp và kinh tế nông thôn:

- Nông nghiệp phải nhanh chóng chuyển từ trồng trọt tự tiêu, với nông sản hàng hóa hạn chế, sang nền sản xuất hàng hóa có chất lượng cao, đa dạng theo vùng và phù hợp với yêu cầu của công nghiệp chế biến và xuất khẩu, đang ngày càng tăng nhanh.
- Việc sản xuất hàng hóa này phải ngày càng tập trung vào vùng gần với các nhà máy chế biến có công nghiệp hiện đại, quy mô lớn. Tại những nơi có khối lượng sản xuất thấp hơn thì nên trang bị những cơ sở công nghiệp có thiết bị vừa phải và quy mô nhỏ.
- Canh tác ngày càng phải được cơ khí hoá, để giải phóng sức lao động khỏi những công việc nặng nhọc và để đạt năng suất lao động cao.
- Cần ưu tiên phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nông thôn, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và nguyên liệu của địa phương và kỹ năng truyền thống của dân cư nông thôn.
- Các doanh nghiệp ở nông thôn phải sử dụng khôn ngoan công nghệ Việt Nam ở những nơi thích hợp và công nghệ nước ngoài.
- Chú ý đặc biệt đến phát triển nguồn nhân lực: các nhà khoa học và kỹ thuật, công nhân và nông dân có văn hóa và kỹ năng nghề nghiệp cao có sức khỏe tốt.
- Quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa phải dựa trên việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên (như đất, nước, rừng, súc vật, cây trồng và khoáng sản) để xây dựng nền kinh tế nông thôn bền vững và để đáp ứng nhu cầu bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

Mục tiêu

Chiến lược phát triển đến năm 2010 khẳng định những mục tiêu sau, trong việc theo đuổi mục đích to lớn nêu trong trang 1.7:

- Đạt tốc độ tăng trưởng nhanh chóng về kinh tế ở nông thôn, vào khoảng 7-8% mỗi năm, từ năm 2000 đến 2005, và từ 10-11% trong năm tiếp theo;
- Theo đuổi tốc độ tăng trưởng nhanh chóng hơn ở khu vực công nghiệp và dịch vụ so với nông nghiệp để tạo việc làm; do đó sự cân bằng giữa 3 khu vực- nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ, xét về GDP và việc làm; tạo 800.000 việc làm mới mỗi năm trong khu vực kinh tế nông thôn;
- Nâng cao mức thu nhập bình quân đầu người hàng năm ở nông thôn từ 230\$ năm 2000 lên 550\$ năm 2010, duy trì tỉ lệ giữa thu nhập bình quân ở nông thôn và thu nhập bình quân quốc gia;
- Cải thiện nhanh chóng cơ sở hạ tầng và dịch vụ nông thôn; và
- Bằng cách này, duy trì mức dân số nông thôn, đồng thời chấp nhận nó sẽ giảm tỉ lệ trong cơ cấu dân số quốc gia, và sẽ tiếp tục tăng 1,5% mỗi năm, đến năm 2005 và sau đó mỗi năm tăng với tỉ lệ phần trăm thấp hơn.